

TỪ NGỮ “ĐẦU THAI” CÓ ÂM HƯỞNG NHÀ PHẬT

Nguyễn Văn Nghệ

Hôm Chúa nhật ngày 01/01/2023 lễ Đức Maria Mẹ Thiên Chúa đọc đoạn Phúc âm Luca 2, 16-21 và câu 21 trong đoạn Phúc âm ấy: “*Khi đã đủ 8 ngày, lúc phải cắt bì cho con trẻ, thì người ta gọi tên người là Giêsu, tên mà thiên thần đã gọi trước khi con trẻ được đầu thai trong lòng mẹ.*”¹

Tôi có một ông bạn lớn tuổi, sau khi nghe hai chữ “đầu thai” thì không hài lòng với cách dịch như vậy và ông bạn bảo là “đầu thai” chỉ có trong thuyết luân hồi của Phật giáo mà thôi.

Chúng ta thường nghe cụm từ “đầu thai hóa kiếp” trên môi miệng của Phật tử Việt Nam. Trong giáo lý Phật giáo sự đầu thai hóa kiếp sẽ được xoay vòng trong 6 cõi (lục đạo) là: Cõi Trời; Cõi Atula; Cõi Địa ngục; Cõi Ngạ quỷ; Cõi Súc sanh; Cõi Con

người. Tùy theo sự “gieo nhân tạo nghiệp” của kiếp trước mà quyết định điểm đến trong kiếp sau, sẽ là một trong sáu cõi này.

Giữa Phật giáo Nam tông (Thượng tọa bộ -Theravada) và Bắc tông (Đại chúng bộ-Mahayana) có quan điểm khác nhau về thời gian “đầu thai hóa kiếp” của một người sau khi chết. Phật giáo Nam tông quan niệm là sau khi chết, nếu vong linh người chết chưa thoát khỏi vòng luân hồi thì ngay lập tức được đầu thai hóa kiếp vào một trong 6 cõi tùy theo sự “gieo nhân tạo nghiệp” của họ. Phật giáo Bắc tông có quan niệm hơi khác: Ngoại trừ những người sau khi chết thoát khỏi vòng luân hồi, còn lại thì phải “đầu thai hóa kiếp” vào một trong 6 cõi. Họ tin rằng sau khi chết những người chưa thoát khỏi vòng luân hồi sẽ có thời gian “thọ thân trung ấm” có nghĩa là linh hồn còn lẩn quất đâu đó chưa được đầu thai hóa kiếp và thời gian “thọ thân trung ấm” tối đa là 49 ngày sau khi chết. Có người được đầu thai hóa kiếp vào “thất thứ nhất” (ngày thứ 7 sau khi chết) hoặc thất thứ hai (14 ngày sau khi chết), hoặc thất thứ ba... thất thứ bảy. Do đó sau khi chết có nghi lễ Cúng thất (cứ 7 ngày cúng một lần và cúng 7 lần và lần thứ 7 đúng vào ngày thứ 49 sau khi chết). Ngày thứ 49 là ngày vong linh phải đầu thai hóa kiếp chứ không còn lẩn quất đâu đó nữa!

Đối với giáo lý Công giáo thì không có chuyện

“đầu thai hóa kiếp”: “*Chúa Giê-su Ki-tô vốn dĩ là Thiên Chúa, mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân phận nô lệ, trở nên giống như phàm nhân sống như người trần thế...*” (Pl 2, 6-11). Do đó không thể sử dụng từ ngữ “đầu thai” trong trường hợp của Đức Giê-su.

Chúng ta cùng điếm qua một số bản dịch đoạn Kinh Thánh Lu-ca 2, 21 sang tiếng Việt. Bản dịch của cố Chính Linh (Albert Schlicklin): “*Khởi tám ngày thì làm phép cắt bì cho con trẻ cùng đặt tên cho Người là Jêsu; ấy là tên thiên thần đã đặt trước khi *dụng thai* trong lòng mẹ*”- “*Et postquam consummati sunt dies octo ut circumcideretur puer: vocatum est nomen ejus Jesus, quod vocatum est ab ángelo priusquam in útero conciperetur.*”²

Bản dịch của Linh mục Đa-minh Trần Đức Huân: “*Qua khởi tám ngày, đã đến lúc phải làm phép cắt bì cho Con trẻ và đặt tên là Giê-su, chính tên thiên sứ đã đặt cho Ngài trước khi *dụng thai*³ trong lòng Mẹ.*”⁴

Bản dịch của Linh mục Giu-se Nguyễn Thế Thuấn: “*Mãn tám ngày, đến lúc phải làm phép cắt bì cho Hải nhi, thì Hải nhi đã được đặt tên là Yêsu, chính tên thiên thần đã gọi Ngài trước khi đầu thai lòng mẹ.*”⁵

Bản dịch của Đức Hồng y Giu-se - Ma-ri-a Trịnh Văn Căn: “Đến ngày thứ tám là ngày Con Trẻ phải chịu phép cắt bì thì được đặt tên là Giêsu, chính là tên sứ thần đã truyền trước khi Con Trẻ đầu thai trong lòng mẹ.”⁶

Trước đây chúng ta thường nghe những từ dùng cho việc Ngôi Hai xuống thế làm người, như: “Nhập thể” (Kinh Tin kính đọc trong Thánh lễ: “Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã *nhập thể* trong lòng trinh nữ Maria và đã làm người”), “thụ thai”... Để so sánh chúng ta dùng bản Phúc âm bằng chữ Hán đọc trong ngày lễ này và đoạn chót xin được phiên âm: “*Mãn liễu bát thiên, hài tử ứng thụ cát tổn, ư thị cấp tha khởi danh khiếu Da Tô, giá thị tha **giáng dụng** mẫu thai tiền, do Thiên sứ sở khởi đích*”. Phúc âm chữ Hán dùng từ “giáng dụng”, Phúc âm tiếng Việt dùng từ “đầu thai” (có nơi dùng từ “thụ thai”). Vậy từ “giáng dụng” có giống từ “đầu thai”, “thụ thai”?

Theo Hán Việt tự điển của Thiều Chửu từ “giáng” thuộc bộ Phụ có nghĩa là xuống, bực trên đánh xuống bực dưới gọi là Giáng, như Giáng quan: quan phải giáng xuống chúc dưới cái chúc đang làm. Giáng chúc; giáng cấp...

Dụng thuộc bộ Tử (con) có nghĩa là chửa, có thai, có mang, thai, như: hữu dụng=có thai; dụng phụ= phụ nữ có thai. Như vậy: giáng dụng=xuống thai.

Từ “giáng” trong “giáng dục” được sử dụng trong ngữ cảnh này rất là xứng hợp với mẫu nhiệm Ngôi Hai “bỏ trời xuống thế làm người”.

Trong Kinh Tin kính mà ông bà ta đã sử dụng từ xưa và lưu truyền cho đến nay có câu: “*Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà người **xuống thai** sinh bởi Bà Maria đồng trinh*”.

Vậy chúng ta dùng từ “**xuống thai**” (giáng dục) trong đoạn Phúc âm Lu-ca 2, 21 là chuẩn xác nhất. Nếu chúng ta dùng từ “đầu thai” sẽ khiến Phật tử nghĩ rằng kiếp trước Đức Giê su “gieo nhân tạo nghiệp” xấu nên phải đầu thai hóa kiếp vào cõi Con người (một trong 6 cõi).

Giáo xứ Cây Vông- Nha Trang

Chú thích

¹ conggiao.info/0101-thanh-maria-me-thien-chua---le-trong-d-70576. Bài Phúc âm bằng chữ Hán cũng được đăng cùng ngày trên trang conggiao.info

² *Kinh Thánh cú bản Vulgata*, Cổ Chính Linh Địa phận Tây Đàng Ngoài (*hiện nay là Tổng Giáo phận Hà Nội*), Quyển IV, Hongkong, Imprimerie de la Société des Missions-Etrangère, 1916, trang 165

³ Dịch giả dùng từ “dục thai” theo nghĩa nào đây? Bởi vì “dục” và “thai” đều có nghĩa là “thai”, còn nếu hiểu từ “dục” theo nghĩa chữ Nôm là “để đứng, gây, lập nên”, như: “dục cò khỏi nghĩa” hoặc “dục vợ gả chồng” thì có vẻ lủng củng lắm.

⁴ *Kinh Thánh Cựu Tân ước* dịch theo bản phổ thông Vatican 1959, Ra Khai, Thánh Kinh Thiện Bản 1971, Tái bản và nhuận chánh, trang 1721 (nếu tính riêng phần Tân ước trang 105)

⁵ *Kinh Thánh*, Bản dịch của Linh mục Nguyễn Thế Thuấn-Dòng Chúa Cứu Thế, Dòng Chúa Cứu Thế 1976, trang 128 (Cựu

ước đánh số trang riêng. Phần Tin Mừng nhất lãm đánh số trang riêng)

⁶ Hồng y Giuse-Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, 1985, trang 1893